

1. Tổng quan lý thuyết về nợ công

1.1 Khái niệm

Theo quan điểm của ngân hàng thế giới (WB): Nợ công bao gồm tất cả các khoản nợ của chính phủ, nợ được chính phủ bảo lãnh, nợ chính quyền địa phương. Hiện tượng này xuất hiện khi thu không bù đủ chi.

Nợ chính phủ là khoản nợ phát sinh từ các khoản vay trong nước (phát hành trái phiếu, vay của Ngân hàng), nước ngoài (các thể chế siêu quốc gia như Quỹ tiền tệ Quốc tế - IMF), được ký kết, phát hành nhân danh Nhà nước, nhân danh chính phủ hoặc các khoản vay khác do Bộ Tài chính ký kết, phát hành, ủy quyền phát hành theo quy định của pháp luật. Nợ chính phủ không bao gồm khoản nợ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhằm thực hiện chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ. Nợ chính phủ thường được vay để tài trợ cho thâm hụt ngân sách, nên nói cách khác, nợ chính phủ là thâm hụt ngân sách lũy kế đến một thời điểm nào đó. Để dễ hình dung quy mô của nợ chính phủ, người ta thường đo xem khoản nợ này bằng bao nhiêu phần trăm so với Tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Nợ chính phủ thường chiếm tỷ trọng lớn trong nợ công của một quốc gia và gây ra những tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế.

Nợ được chính phủ bảo lãnh là khoản nợ của doanh nghiệp, tổ chức tài chính, tín dụng vay trong nước, nước ngoài được chính phủ bảo lãnh.

Nợ chính quyền địa phương là khoản nợ do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ký kết, phát hành hoặc ủy quyền phát hành. Nợ của chính quyền địa phương thường không chiếm tỷ trọng lớn trong Nợ công, vì ngân sách địa phương chủ yếu từ trung ương hỗ trợ, chi trả; và pháp luật luôn quy định chặt chẽ tỷ lệ nợ chính quyền địa phương được vay so với ngân sách được cấp, hay chỉ được vay từ nguồn nào và để dùng vào khoản gì.

Ngoài ra có thể phân loại nợ chính phủ theo nguồn vay: gồm vay trong nước và vay nước ngoài, hoặc theo thời gian vay: gồm vay ngắn hạn, vay trung và dài hạn.

Về mặt cơ bản, tỷ lệ nợ của chính phủ chiếm tỷ trọng lớn trong Nợ công nói chung, và gây ra những tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế.

Nhóm 3 môn Kinh tế vĩ mô

1.2 Nguyên nhân

- Chính phủ chi tiêu ngân sách quá mức hoặc phải liên tiếp phát hành ngân sách để đảm bảo các nhu cầu an sinh xã hội, dẫn đến thâm hụt ngân sách trầm trọng.
- Chính phủ giảm thuế trong khi tăng chi.
- Các hoạt động ngầm trong nền kinh tế, trốn thuế gây thất thu ngân sách.
- Chính phủ sử dụng các khoản vay không hiệu quả, tham nhũng và thiếu minh bạch trong quản lý làm cho nhà đầu tư mất niềm tin vào nền kinh tế.
- Sự già hóa dân số.
- Mức tiết kiệm trong nước giảm dẫn đến tình trạng phải vay mượn từ bên ngoài.

1.3 Tác động đến kinh tế - xã hội

Nợ công xảy ra trên quy mô lớn sẽ gây ra khủng hoảng trong xã hội. Thông thường chính phủ cần phải vay vốn để giải quyết nợ công, tuy nhiên những yêu cầu của các tổ chức tài chính quốc tế thường ngặt nghèo, tạo ra sức ép lên chính phủ buộc phải giảm các hoạt động trợ cấp, các chính sách an sinh xã hội. Bên cạnh đó, chính phủ còn tăng thuế để bù đắp lại vào ngân sách. Mặc khác những quốc gia này, tình trạng tham nhũng và không minh bạch thường phổ biến, dẫn đến sự “sói mòn” niềm tin của công chúng và nhà đầu tư vào chính phủ. Chính những điều đó có thể làm cho tình hình kinh tế - chính trị luôn trong tình trạng bất ổn tại bất cứ quốc gia nào đang xảy ra nợ công. Thậm chí làm cho chính phủ sụp đổ.

. Khi xảy ra nợ công, các tổ chức tín dụng sẽ hạ thấp bậc tín nhiệm của chính phủ và khi đó muốn huy động được vốn phải mất nhiều chi phí hơn, trái phiếu của chính phủ mất giá hoặc thậm chí là không được chấp nhận. Nền kinh tế trở thành mục tiêu tấn công của các thế lực đầu cơ quốc tế.

1.4 Giải pháp

Có nhiều giải pháp để giải quyết nợ công, tùy tình hình cụ thể mà chính phủ các quốc gia có thể áp dụng, như vay nợ nguồn vốn từ trong nước và nước ngoài; hoàn chỉnh bộ máy quản lý nhà nước; xây dựng chiến lược vay nợ công rõ ràng và theo một quy

Nhóm 3 môn Kinh tế vĩ mô

trình dài hạn; minh bạch trong công bố thông tin và tăng cường cơ chế giám sát tài chính; tổ chức đánh giá mức độ hiệu quả các trường hợp đã vay nợ để rút kinh nghiệm trong tương lai; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và cuối cùng là đẩy mạnh hợp tác quốc tế.

2. Khủng hoảng nợ châu Âu

2.1 Diễn biến khủng hoảng nợ công châu Âu

Từ cuối năm 2009, lo ngại về cuộc khủng hoảng nợ quốc gia gia tăng giữa các nhà đầu tư liên quan đến một số nước châu Âu, mối lo sợ này tăng lên vào đầu năm 2010. Các quốc gia có đề về nợ công trong khu vực châu Âu bao gồm các thành viên Hy Lạp, Ireland, Italia, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, và cũng có một số khu vực châu Âu không thuộc Liên minh châu Âu (EU). Đặc biệt là từ Ireland, quốc gia mới bị cuộc ảnh hưởng tài chính lớn nhất trong năm 2008. các khoản nợ công tăng mạnh cho các chính phủ EU do kế hoạch giải cứu ngân hàng. Tháng 11/2009. Thủ tướng Hy Lạp cho biết thâm hụt ngân sách năm 2009 sẽ ở mức 12,7% GDP, cao gấp đôi con số công bố trước đó và sẽ cố gắng cứu Hy Lạp khỏi khả năng vỡ nợ.

Ngày 22/12/2009, Moody's xếp hạng nợ công Hy Lạp từ A1 xuống mức A2 bởi thâm hụt ngân sách của nước này tăng cao. Đây là cơ quan thứ ba hạ xếp hạng tín dụng của Hy Lạp. Ngày 14/01/2010, Chính phủ Hy Lạp công bố kế hoạch bình ổn, tuyên bố muốn giảm thâm hụt ngân sách xuống mức 208% GDP vào năm 2012. Ngày 29/01/2010, Chính phủ Tây Ban Nha công bố kế hoạch tiết kiệm 50 tỷ euro tương đương 70 tỷ USD, trong đó tổng số tiền chi tiêu giảm tương đương 4% GDP. Lương lao động trong lĩnh vực công giảm 4%. Ngày 11/4/2010, Bộ trưởng tài chính các nước thuộc khu vực đồng tiền chung châu Âu chấp thuận kế hoạch 30 tỷ euro dành cho Hy Lạp, tuy nhiên Hy Lạp tuyên bố không cần. Ngày 23/4/2010, Hy Lạp cầu cứu EU và IMF. Ngày 02/5/2010, Thủ tướng Hy Lạp cho biết, chính phủ nước này đã đạt được thỏa thuận với EU và IMF để nhận được gói giải cứu, đổi lại nước này phải giảm chi tiêu 30 tỷ euro trong 3 năm tới. Ngày 9/5/2010, IMF đơn phương chấp thuận trước một phần kế hoạch giải cứu, cung cấp lập tức 5,5 tỷ euro.

Ngày 10/5/2010, các nhà hoạch định chính sách kinh tế toàn cầu đưa ra kế hoạch khẩn cấp trị giá 750 tỷ euro để hỗ trợ thị trường tài chính và vực dậy đồng euro, ngăn

Nhóm 3 môn Kinh tế vĩ mô

đồng tiền này chịu ảnh hưởng tệ hại từ khủng hoảng nợ Hy Lạp. Gói giải cứu bao gồm 440 tỷ euro từ các nước thuộc khu vực đồng tiền chung châu Âu, 60 tỷ euro từ công cụ nợ của châu Âu. IMF đóng góp 250 tỷ euro, tổng số tiền lên đến 750 tỷ euro, tương đương khoảng gần 1.000 tỷ USD tính theo tỷ giá ở thời điểm đó. Gói giải cứu Hy Lạp nhận được bao gồm 110 tỷ euro trong 3 năm. Đây là nước đầu tiên tại khu vực đồng tiền chung châu Âu được hỗ trợ. Chính phủ Đức đồng ý góp 22,4 tỷ euro tương đương 30 tỷ USD cho kế hoạch cứu Hy Lạp.

Ngày 27/5/2010, Quốc hội Tây Ban Nha chấp thuận kế hoạch thắt chặt ngân sách nhằm tiết kiệm 15 tỷ euro tương đương 18,4 tỷ USD.

Ngày 18/5/2010, Chính phủ Đức, trong nỗ lực ngăn hoạt động đầu cơ tài chính được coi như nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng nợ, công bố cấm bán không vô căn cứ cổ phiếu của 10 tổ chức tài chính lớn nhất tại Đức, trái phiếu chính phủ và hợp đồng hoán đổi vỡ nợ tín dụng.

Ngày 25/5/2010, Nội các Italia bỏ phiếu thông qua kế hoạch thắt chặt ngân sách, tiết kiệm 24 tỷ euro với mục tiêu đến năm 2012 đưa thâm hụt ngân sách GDP từ mức 5,3% của năm 2009 về mức 2,7% GDP.

Ngày 28/5/2010, Fitch hạ xếp hạng tín dụng của Tây Ban Nha từ AAA xuống AA+ bởi nợ tiêu dùng và doanh nghiệp tại nước này tăng lên mức quá cao, đó là chưa kể đến nợ công đang ở mức đáng báo động.

Ngày 29/5/2010, hàng ngàn người biểu tình ở Lisbon - Bồ Đào Nha để phản đối kế hoạch thắt chặt ngân sách của Chính phủ.

Ngày 7/6/2010, Đảng của Thủ tướng Đức chấp thuận kế hoạch thắt chặt ngân sách và thuế để hoàn thành mục tiêu đưa thâm hụt ngân sách của Đức về mức quy định của liên minh Châu Âu trong khoảng thời gian từ nay đến năm 2013.

Ngày 8/6/2010, Công đoàn Tây Ban Nha công bố 75% người lao động trong lĩnh vực công không đi làm để thể hiện sự phản đối kế hoạch thắt chặt chi tiêu của Chính phủ. Tỷ lệ lạm phát của Hy Lạp tháng 5/2010 tăng 5,4%, vượt mọi kỳ vọng của các chuyên gia và lên mức cao nhất từ tháng 8/1997.

Nhóm 3 môn Kinh tế vĩ mô

Ngày 10/6/2010, thỏa thuận cải tổ thị trường lao động Tây Ban Nha sụp đổ. Chính phủ buộc phải áp dụng quy định tuyển dụng và sa thải lỏng lẻo hơn dù không có sự hỗ trợ của Nghiệp đoàn Lao động.

Ngày 27/11/2011, lãi suất trái phiếu kì hạn 10 năm của chính phủ Tây Ban Nha tăng lên 6,78%, là mức cao nhất kể từ khi gia nhập EU.

Ngày 21/12/2011, ông Rajoy nhậm chức thủ tướng Tây Ban Nha, hình thành nên chính phủ mới, đánh dấu sự sụp đổ của chính phủ thứ 5 tại châu Âu sau Italia, Hy Lạp, Bồ Đào Nha, Ireland do cuộc khủng hoảng.

Ngày 14/01/2012, Standard & Poor's hạ mức tín nhiệm của Pháp xuống 1 bậc (từ AAA xuống AA+) và Italia xuống BBB+ cùng với triển vọng tiêu cực.

Ngày 6/2/2012 Chính phủ Romania là chính phủ thứ 6 ở châu Âu sụp đổ do khủng hoảng nợ.

Ngày 25/6/2012, Cyprus chính thức trở thành nước thứ 5 trong khu vực các nước sử dụng đồng tiền chung euro phải xin cứu trợ từ Quỹ Bình ổn tài chính châu Âu. Ngày 16/3/2013, các bộ trưởng bộ tài chính khu vực Eurozone và IMF đã đồng ý cung cấp cho Cyprus gói cứu trợ trị giá 10 tỷ euro.

Theo Eurostat, tính chung trên toàn Liên minh châu Âu, tỷ lệ thất nghiệp trong tháng 1 năm 2013 cũng tăng lên mức 10,8% so với 10,7% trong tháng 12 năm 2012. Tính đến thời điểm này, đã có 26,2 triệu người thất nghiệp tại 27 nước thành viên EU. Dự đoán tỷ lệ thất nghiệp năm 2013 sẽ vượt quá 12%.

2.2 Nguyên nhân

Có thể chia nguyên nhân xảy ra tình trạng nợ công do 2 nhóm chính là nguyên nhân bên trong và bên ngoài.

2.2.1 Nguyên nhân bên trong

Cuộc khủng hoảng bắt nguồn từ Hy Lạp: Chính phủ Hy Lạp phạm sai lầm trong quản lý và không trung thực khi thông báo số liệu kinh tế trong nhiều năm. Chính sự mất niềm tin làm cho Hy Lạp giải quyết khủng hoảng càng khó khăn. Bất kỳ quyết

Nhóm 3 môn Kinh tế vĩ mô

định nào của chính phủ Hy Lạp về giải quyết vấn đề ngân sách đều bị hoài nghi, do đó càng khó cho giải quyết khủng hoảng. ngoài việc vốn đầu tư chạy khỏi Hy Lạp, khoảng 30% hoạt động của nền kinh tế nước này có gian lận, 90% những người có thu nhập cao khai thu nhập dưới 30.000 euro/năm nhằm tránh nộp thuế. Bên cạnh đó, việc Nhà thờ, một trong những chủ sở hữu quỹ đất lớn nhất quốc gia này, lại không phải trả một đồng thuế nào. Mặc dù các nhà dân chủ xã hội đã yêu cầu Nhà thờ phải trả thuế như mọi người khác, nhưng cho đến nay chưa thấy có biện pháp nào được đưa ra áp dụng.

Các chính phủ thu không đủ chi: các nhà phân tích kinh tế đều cho rằng, khủng hoảng nợ công ở châu Âu là do chi tiêu của các chính phủ quá lớn. Việc chi tiêu quá lớn đã tạo ra thâm hụt ngân sách và khủng hoảng nợ công (lương cao cho các nhà chính trị, công chức, hệ thống an sinh xã hội và lao động, chế độ nghỉ hưu sớm).

Vấn đề tổ chức tài chính và điều hành kinh tế của EU: Do vấn đề về cơ cấu nên EU có hạn chế về điều hành nền kinh tế của Khối, các chính sách tiền tệ không đi cùng với cải cách thu thuế và lao động. EU và Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) cũng phản ứng chậm với các nền kinh tế khi gặp khủng hoảng.

Áp lực của các nhóm tài phiệt: Các nhà đầu cơ, các tổ chức tài chính lớn và các trung tâm quyền lực kinh tế kinh tế đã thuyết phục được các chính phủ chỉ điều chỉnh thể chế chứ không áp dụng các biện pháp cải cách các thể chế. Chính phủ các nước phải tốn nhiều tỷ euro hỗ trợ các ngân hàng và cho các chương trình hỗ trợ hoạt động kinh tế nhằm cứu ngân hàng và nền kinh tế không bị đổ vỡ. điều này không tránh khỏi việc nợ công gia tăng.

Vấn đề chính sách kinh tế tự do mới: Nhiều nhà nghiên cứu kinh tế cho rằng cuộc khủng hoảng hiện nay là do chính sách kinh tế tự do gây ra. Do vậy, các quốc gia muốn thoát khỏi cần phải từ bỏ chính sách kinh tế tự do mới và chuyển sang chính sách kinh tế của Keynes, chính sách kích cầu.

2.2.2. Nguyên nhân bên ngoài

Chiến dịch tấn công làm suy yếu đồng euro: Ngay từ tháng 02/2010, Bộ trưởng xây dựng Tây Ban Nha José Blanco cho rằng có một chiến dịch tấn công đồng euro trên

Nhóm 3 môn Kinh tế vĩ mô

các thị trường thế giới mà mục tiêu nhằm vào Tây Ban Nha. Giới đầu cơ đang thực hiện các chiến dịch nhằm hạ thấp đồng euro và kiếm lời. Họ chủ yếu đầu cơ trong ngắn hạn. Cũng có một số nhà kinh tế cho rằng cuộc khủng hoảng này do Anh và Hoa Kỳ tạo ra để nhằm hạ đồng euro. Bởi theo họ, Anh luôn khó chịu với đồng euro, còn Hoa Kỳ thì cảm thấy bị đồng euro đe dọa, việc tấn công đồng euro cũng để chuyển hướng dư luận về sự yếu kém của đồng đô la Mỹ và đồng Bảng Anh.

Các cơ quan đánh giá rủi ro trái phiếu vào thị trường tài chính: thị trường tài chính đóng vai trò gây bất ổn tình hình kinh tế vừa qua. Các cơ quan đánh giá Standard & Poor's và Fitch bắt đầu đánh giá nợ của Hy Lạp, hạ thấp trái phiếu của nước này thành trái phiếu rác. Kể từ đó, lãi suất trái phiếu của chính phủ Hy Lạp không ngừng tăng, thị trường chứng khoán Hy Lạp liên tục giảm. Joseph Stiglitz cũng cho rằng, các cơ quan đánh giá rủi ro như Standard & Poors (S&P), Moody's và Fitch là nhân tố góp phần vào sự bất ổn của các thị trường, đẩy các nước vào khủng hoảng.

Hoạt động đầu cơ tài chính: Mục đích của đầu cơ là làm tăng lãi suất trái phiếu chính phủ cao nhất có thể để thu lợi. Thực tế, nợ công được thương lượng thông qua các ngân hàng tư nhân và giá do các ngân hàng này ấn định. Các tổ chức tài chính như Alpha Bank, Bank of America-Merrill Lynch, ngân hàng thương mại như ING và société Générale có nhiều cơ hội đầu cơ. Phát khai hỏa đầu tiên cho đầu cơ là việc IMF đưa ra báo cáo ngày 22/4/2010, theo đó nền kinh tế Bồ Đào Nha đang xấu đi. Kinh tế Bồ Đào Nha sẽ tăng trưởng thấp hơn dự báo và sẽ không giảm được thâm hụt: thâm hụt công sẽ là 7,5% GDP, dự báo trước đó là 6,6% thất nghiệp sẽ ở mức từ 10-11%. Hết quả, các trái phiếu 10 năm của Bồ Đào Nha vượt qua ngưỡng 4,77% và hiện Bồ Đào Nha cùng Hy Lạp, Ireland là những nước chần chẫn không thực hiện giảm nợ công, mặc dù nợ công của Bồ Đào Nha chỉ là 86% GDP.

Môi trường quốc tế không thuận lợi: Mỹ đe dọa đưa ra các số liệu tiêu cực của các doanh nghiệp là cho thị trường chứng khoán Mỹ giảm. Để đối phó với khủng hoảng, các nhà đầu tư buộc phải rời khỏi các nước này, làm cho các nước rơi vào cảnh thiếu tiền. Vốn đầu tư bị rút khỏi Hy Lạp không ngừng tăng. Chỉ tính riêng trong tháng 1/2010 đã có

Nhóm 3 môn Kinh tế vĩ mô

8 đến 10 tỷ euro bị rút khỏi Hy Lạp, con số này cao hơn số tiền trái phiếu mà chính phủ Hy Lạp đã phát hành lần gần đây nhất.

Tóm lại, cuộc khủng hoảng nợ công của các nước châu Âu bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, cả bên trong lẫn bên ngoài. Âm mưu và ý đồ của giới tài phiệt tiếp tục gây áp lực lên thị trường tài chính nhằm đầu cơ kiếm lời trong ngắn hạn. Gói cứu trợ 750 tỷ euro có tác dụng trong ngắn hạn, nhưng về trung hạn, nguy cơ tiềm ẩn vẫn còn cao, vẫn còn có nghi ngờ về các món nợ công và sự bất ổn tài chính. Tình hình này có thể ảnh hưởng đến nền kinh tế châu Âu, nhưng cũng có thể gây ra hiệu ứng đối với cả thế giới.

3. Nợ công tại Việt Nam

3.1 Tình trạng nợ công tại Việt Nam

Theo công bố của Tạp chí Kinh tế (The Economist), tỷ lệ nợ công năm 2011 của Việt Nam là 50,9% GDP, dự kiến năm 2012 tỷ lệ này là 55,4%. Mặc dù tỷ lệ nợ này vẫn nằm trong tầm kiểm soát (dưới 60% GDP theo cách tính chỉ tiêu tỷ lệ nợ công trên GDP của Liên hiệp quốc) nhưng nó quá cao so với mức phổ biến được khuyến cáo ở các nền kinh tế đang phát triển (từ 30-40%) và so với một số nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc (17,4%), Indonesia (25,6%).



Hình 1: Tỷ lệ nợ công/GDP từ năm 2001 đến năm 2012

Nhóm 3 môn Kinh tế vĩ mô

Ngoài ra, cũng theo The Economist, mức nợ công tính trên đầu người của Việt Nam năm 2011 là 638,55 USD, dự kiến 2012 tăng lên 698,71 USD. Nếu so sánh với 817,22 USD (Trung Quốc), 808,52 USD (Indonesia), 4.626,4 USD (Malaysia), 1.195,29 USD (Philippines), 2.261,78 USD (Thái Lan) thì đây là con số không cao.

Khoản mục	Số liệu	Ghi chú
Tổng số vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài	71,7 tỷ USD	
Tổng số vốn cam kết vay thương mại nước ngoài	4,08 tỷ USD	
Dư nợ các dự án cho vay lại của Chính phủ	10,3 tỷ USD	Tương đương 8.5% GDP
Số lượng các dự án cho vay lại	580 dự án	55 dự án nợ quá hạn
Tổng số dư nợ công	55.4%	Giảm 1.9% so với 2010

Bảng 1: Tình hình vay nợ, tính đến 31/12/2012

Tuy nhiên, nếu so mức nợ công bình quân đầu người của Việt Nam vào năm 2001 xấp xỉ 112 USD; thì trong vòng 10 năm, con số này đã tăng gấp 6 lần, cho thấy gánh nặng nợ tương lai đổ lên đầu người dân ngày càng tăng.

Tính ra từ năm 2007 đến cuối năm 2011, nợ công của Việt Nam đã tăng khoảng 25% (trung bình 5%/năm). Với khoản nợ này, căn cứ vào thời điểm đáo hạn thì từ nay đến 2015 mỗi năm Việt Nam phải trả nợ gốc và lãi cho nước ngoài gần 1,5 tỉ USD và mức trả nợ cao nhất sẽ rơi vào năm 2020 với con số lên đến 2,4 tỉ USD.

3.2 Nguy cơ nợ công tại Việt Nam

Xu hướng nợ công tại nước ta: Một thực tế đáng buồn đó là nợ công nước ta liên tục tăng chứ không giảm qua các năm. Cụ thể như giai đoạn 2001-2009 tốc độ tăng trung bình của nợ công nước ta là 18%/năm, gấp 3 lần tốc độ tăng GDP. Bên cạnh đó, Ngân sách nước ta cũng liên tục thâm hụt trung bình khoảng 5% GDP. Như vậy, rõ ràng hằng

năm chúng ta không hề có dư để trả nợ mà phải vay thêm nợ mới để trả những món nợ đến hạn và lãi suất của những món nợ còn lại.

Nhóm 3 môn Kinh tế vĩ mô

Vay vốn nước ngoài: Trong những năm qua hệ số ICOR của Việt Nam có xu hướng tăng, điều đó có nghĩa là hiệu quả ở các lĩnh vực đầu tư công là không cao. Vốn vay không được sử dụng hợp lý, dàn trải và gây thất thoát.



Hình 2: Hệ số ICOR Việt Nam qua các giai đoạn

Vay vốn nhưng lại không sử dụng đồng vốn vay có hiệu quả, sinh ra lời để trả nợ, nếu xu hướng này không sớm được cải thiện, ta sẽ chẳng mấy chốc rơi vào khủng hoảng nợ công. Ví dụ điển hình là trường hợp Vinashin nợ 1 tỷ USD trái phiếu do chính phủ bảo lãnh.

Tỉ giá tăng: Nợ nước ngoài của Việt Nam khá đa dạng về cơ cấu tiền vay. Trên lý thuyết, điều này được cho là có thể hạn chế rủi ro về tỷ giá, giảm áp lực lên nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của chính phủ. Đến thời hạn trả nợ, tỉ giá tăng làm gia tăng tổng số nợ nước ngoài.

Những khoản nợ công tại doanh nghiệp của Việt Nam có lẽ không phải ở những khoản nợ được ghi nhận trên sổ sách. Theo đó, những khoản nợ xấu của khu vực doanh nghiệp nhà nước mà rất có thể sẽ phải dùng ngân sách nhà nước để trả mới là mầm mống đe dọa tính bền vững của nợ công Việt Nam. Cụ thể, khoản nợ nước ngoài của khu vực tư nhân và doanh nghiệp nhà nước không được chính phủ bảo lãnh chiếm 11,1% GDP. Ngoài ra, nợ trong nước của khu vực doanh nghiệp nhà nước theo ghi nhận trong Đề án Tái cấu trúc DNNN của Bộ Tài chính năm 2012 cũng chiếm xấp xỉ khoảng 16,5%.

Nhóm 3 môn Kinh tế vĩ mô

3.3 Nợ công châu Âu ảnh hưởng đến Việt Nam

Xuất khẩu giảm: Cuộc khủng hoảng nợ châu Âu kéo theo một loạt hệ quả tất yếu: tốc độ phục hồi kinh tế thế giới chậm lại, tình hình thất nghiệp và lạm phát tăng cao, đồng euro mất giá, tăng trưởng GDP giảm sút, làm cho thu nhập thực tế người dân và cầu tiêu dùng với hàng nhập khẩu giảm mạnh. Điều này sẽ gây ra những tác động tiêu cực đến xuất khẩu và tăng trưởng GDP của Việt Nam, với mức suy giảm khoảng 1,7% GDP trong năm 2010, cao thứ ba chỉ sau Trung Quốc (2,8%) và Anh (1,9%). Vì vậy, nếu không có những chính sách phản ứng kịp thời hỗ trợ xuất khẩu thì triển vọng trung hạn đối với xuất khẩu của Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn.

Lãi suất thấp ở các nước: trong khi ở Việt Nam lại cao sẽ bất lợi về chi phí cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam. Do lo ngại tác động tiêu cực từ khủng hoảng nợ công, nhiều ngân hàng trung ương các nước phát triển vẫn duy trì mức lãi suất sàn thấp lịch sử nhằm kích thích sự phục hồi kinh tế và chấp nhận lạm phát trong chừng mực nhất định. Lãi suất cơ bản tiệm cận 0% ở hầu hết các nước: FED (Mỹ) : 0,25%; ECB (EU) : 1%; BOE (Anh) : 0,5%; Nhật Bản 0,1%. Ngược lại ở Việt Nam, lãi suất huy động lẫn lãi suất cho vay vẫn đứng ở mức cao. Các doanh nghiệp phải vay vốn với lãi suất khoảng 14-16%/năm với kỳ hạn ngắn và khoảng 14,5-17%/năm với kỳ hạn trung, dài hạn. Nếu tính đến lạm phát ước cho năm 2010 là dưới 10%, doanh nghiệp phải đạt mức tỉ suất lợi nhuận trên 24-27%, là mức cao so với tỉ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân của các ngành trong năm 2009 (khoảng 20%).

Đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm: Khủng hoảng nợ công châu Âu có thể tạo ra tác động trái chiều hoàn toàn với luồng vốn FDI trên phạm vi toàn cầu.

Giá vàng bùng nổ: Các nhà đầu tư trên thế giới đang tìm vàng như một nơi trú ẩn an toàn trước nguy cơ cuộc khủng hoảng nợ châu Âu ngày một lan rộng, làm cho giá vàng trong thời gian qua tăng mạnh, lên mức trên 1.300 USD/ounce. Điều này phản ánh nhu cầu về dự trữ an toàn hơn so với đồng tiền giấy.

Bảo hiểm rủi ro tín dụng xu hướng tăng lên: Vấn đề Hy Lạp đang làm cho các nhà đầu tư trên thế giới càng trở nên thận trọng hơn với các quốc gia có vấn nạn tương tự

Nhóm 3 môn Kinh tế vĩ mô

.Điều này sẽ là một cản trở rất lớn trong việc thu hút các luồng vốn đầu tư gián tiếp, trực tiếp và cho vay từ nước ngoài.

Biến động tỉ giá hối đoái rất khó lường**3.4 Bài học rút ra từ nợ công châu Âu và giải pháp**

Bài học thứ nhất: sử dụng vốn hợp lý và có hiệu quả. Những nước đi vay nợ cần phải ý thức rằng đây là những đồng tiền đi vay mượn, cần phải sử dụng chúng sao cho hợp lý, có hiệu quả, cần phải làm cho “tiền đẻ ra tiền” như vậy mới mong trả được nợ và phát triển nền kinh tế nước mình, sử dụng nó để tạo ra động lực phát triển kinh tế. Khi nền kinh tế đã phát triển, sử dụng những đồng tiền sinh lời này để trả nợ. Nếu sử dụng kém hiệu quả thì quốc gia đó sẽ gặp thất bại trong việc quản lý nợ và sớm bị vỡ nợ. Một khía cạnh khác trong vấn đề này, đó là không nên chạy theo những công trình dự án hào nhoáng, đồ sộ, không phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế như Hy Lạp cho Olympics Athen 2000. Chính sự vung tay quá trán của Hy Lạp lúc đó cũng là nguyên nhân khủng hoảng nợ công về sau.

Đối với Việt Nam, chính phủ nên xem xét lại các dự án, công trình mang tính chất dài hạn, tiêu tốn nhiều tiền của. Thay vào đó chính phủ tập trung vào những dự án cấp thiết, đồng thời rà soát những doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả, đầu tư tràn lan để xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro và tổn thất khi bảo lãnh hoặc cứu trợ.

Bài học thứ 2: quản lý về nợ công. Đây là bài học cho bất kì nền kinh tế nào. Nếu lơ là, nền kinh tế đó có thể sụp đổ và phải cẩn trọng trong chi tiêu. Vấn đề ở đây là không nên chi quá nhiều tiền, nhưng bao nhiêu cho đủ thì mỗi quốc gia lại một khác. Nếu cho rằng chi tiêu không nhiều thì không xảy ra khủng hoảng là không đúng (cuộc khủng hoảng tài chính châu Á xảy ra năm 1997 khi Thái Lan chi nợ khoảng 15% GDP). Do đó vấn đề đặt ra là luôn ý thức và kiểm soát mức nợ phù hợp với nền kinh tế đất nước. Cơ hội được tiếp cận dễ dàng nguồn tín dụng rẻ khi gia nhập Eurozone làm cho chính phủ Hy Lạp chi tiêu quá tay mà quên nghĩa vụ phải trả nợ trong tương lai.

Việt Nam hiện nay đã có Luật quản lý nợ công quy định rõ đối tượng, phạm vi điều chỉnh, hệ thống chi tiêu kiểm soát nợ,... Do đó, cơ quan quản lý đã có một cơ sở

Nhóm 3 môn Kinh tế vĩ mô

pháp lý rõ ràng để thực hiện trách nhiệm của mình trong việc quản lý nợ công. Tuy nhiên, việc quản lý nợ công vẫn còn một số vấn đề như: quyền hạn quản lý còn chồng chéo, năng lực các bộ còn hạn chế, đối với các khoản nợ của doanh nghiệp nhà nước cần phải minh bạch hơn hoặc có cơ chế quản lý riêng, cơ chế cảnh báo sớm còn hạn chế,...

Bài học thứ ba: minh bạch trong việc công bố các khoản vay, đã sử dụng các khoản vay, từ đó nâng cao niềm tin nhà đầu tư. Cuộc khủng hoảng nợ công bắt đầu từ Hy Lạp. Nguyên nhân xuất phát từ việc gia nhập Eurozone, chính phủ Hy Lạp đã sử dụng một số thủ thuật để che giấu tình trạng nợ công của mình và đưa ra những con số phù hợp với tiêu chuẩn mà EU đề ra. Tuy nhiên, sau những lần công bố không khớp nhau, các nhà đầu tư bắt đầu hoài nghi về thâm hụt ngân sách Hy Lạp. Sau đó, đã có các cuộc điều tra tình hình nợ công của Hy Lạp. Khi sự thật được vén màn, một làn sóng rút vốn ồ ạt ra khỏi các ngân hàng Hy Lạp đẩy Hy Lạp vào tình trạng khó khăn trong việc huy động vốn trên trường quốc tế. Đây chính là hậu quả của việc không minh bạch, gian lận số liệu thống kê, kế toán.

Đối với Việt Nam, tuy vấn đề chưa nghiêm trọng nhưng đã có một số mầm mống của sự thiếu minh bạch công khai của chính phủ về tình hình nợ công. Bộ Tài chính cũng là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát và công bố số nợ công ở nước ta, tuy nhiên cơ quan này cũng chỉ mới đưa ra những con số nợ nước ngoài, chưa có một thống kê chi tiết về các khoản nợ công. Trong khi đó, việc tính toán nợ công của mỗi cơ quan, đồng thời điểm lại có sự khác nhau, trong năm 2009 theo như Bộ Tài chính thì nợ công Việt Nam chiếm 44,7% còn theo một báo cáo khác cũng thuộc Bộ Tài chính con số đó là 52,6%. Đồng thời con số Bộ Tài chính đưa ra cũng chênh lệch so với con số của World Bank là 47,5%. Điều này xuất phát từ việc Việt Nam không nhất quán trong việc tính nợ công theo thông lệ quốc tế, nhiều khoảng nợ còn nhập nhằng với nhau. Ngoài ra cũng trong việc quản lý nợ doanh nghiệp nhà nước chính phủ không có cơ chế rõ ràng cho bộ phận này dẫn đến chính phủ phải chịu hậu quả khi bộ phận này gặp khó khăn. Chính vì điều đó làm cho mức tín nhiệm của Việt Nam bị hạ thấp. Tuy nhiên, Việt Nam có lợi thế là độc lập trong chính sách điều tiết tiền tệ chứ không bị ép buộc như trong khối EU.

Nhóm 3 môn Kinh tế vĩ mô

Bài học thứ tư: xây dựng chiến lược, kế hoạch trả nợ. “Người không lờ” Hy Lạp chỉ vì lo chi tiêu mà quên đi nghĩa vụ trả nợ dẫn đến tình trạng nợ chồng chất. Để không phải chịu như Hy Lạp, chúng ta cần thiết phải thúc đẩy việc xây dựng kế hoạch trả lương như trong Luật Quản lý nợ công ban hành. Đó là việc xây dựng kế hoạch trả nợ bằng bốn công cụ:

Thứ nhất, chiến lược dài hạn về nợ công gồm các nội dung như đánh giá thực trạng nợ công và công tác quản lý trong giai đoạn thực hiện chiến lược trước đó; mục tiêu, định hướng huy động sử dụng vốn vay và quản lý nợ công. Căn cứ để xây dựng chiến lược dài hạn về nợ công là kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trong 5 năm và 10 năm về các lĩnh vực, vùng lãnh thổ cũng như các nghị quyết, quyết định về chủ trương huy động, sử dụng vốn vay và quản lý nợ của chính phủ.

Thứ hai, chương trình quản lý nợ trung hạn gồm các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về huy động, sử dụng vốn vay, trả nợ và cơ chế, chính sách, tổ chức quản lý nợ trong giai đoạn 3 năm liền kề để thực hiện các chỉ tiêu an toàn về nợ đã được Quốc hội xác định trong mục tiêu, định hướng huy động, sử dụng vốn vay và quản lý nợ công.

Thứ ba, kế hoạch vay, trả nợ chi tiết hàng năm của chính phủ có nội dung gồm: Kế hoạch vay trong nước (gồm kế hoạch huy động vốn cho ngân sách nhà nước và kế hoạch huy động vốn cho đầu tư phát triển); kế hoạch vay nước ngoài thông qua các hình thức như ODA, vay ưu đãi, vay thương mại; kế hoạch trả nợ được chi tiết theo chủ nợ và có kế hoạch trả nợ gốc, trả lãi, trả nợ trong nước, trả nợ nước ngoài.

Thứ tư là các chỉ tiêu an toàn và giám sát nợ công. Các chỉ tiêu giám sát nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia bao gồm: nợ công so với GDP, nợ nước ngoài của quốc gia so với GDP, nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia so với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu,...

